

Bản án số: 108/2020/HS-PT.

Ngày: 11 - 9 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/TLPT-HS ngày 30 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo Nguyễn Xuân T, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2020/HS-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1958. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 10/10; Đoàn thể, đảng phái: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 146- QĐ/UBKTHU ngày 21/02/2019 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Lạng Giang.

Con ông: Nguyễn Xuân T1 (đã chết).

Con bà: Hoàng Thị L, sinh năm 1938.

Bị cáo có 06 anh em, bản thân là thứ nhất.

Vợ: Nguyễn Thị Xuân P, sinh năm 1959.

Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2019, đến ngày 29/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại (Có mặt tại phiên).

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân T: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc

Giang (Có mặt).

*** Người bị hại không kháng cáo:**

Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm: 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố H.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

- Anh NLQ1, sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh B

- Anh NLQ2, sinh năm: 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 24, đường Q, phường Q, quận Q, thành phố H

***Người làm chứng: NLC, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).**

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh H, sinh năm 1961, có quê quán tại quận H, thành phố H. Khoảng năm 2009, H đến sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố T, phường A, thị xã B, tỉnh Đ. Năm 2016, H về Hải Phòng sống lang thang, không có nơi ở cố định. Cuối năm 2017, H được ông Lê Hồng Đ, sinh năm 1941 ở thôn C, xã N, huyện A, thành phố H mời về làm người giúp việc và chăm sóc sức khỏe cho mình. Quá trình sống tại nhà ông Đ, H quen biết với chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1969, là con ruột của ông Đ. Trong thời gian ở nhà ông Đ, thỉnh thoảng H có xin phép ông Đ đi vắng vài ngày với nhiều lý do khác nhau, không đúng sự thật và vay ông Đ tiền. Do tin tưởng H nên ông Đ đồng ý.

Khoảng đầu năm 2018, thông qua mạng xã hội (Zalo), H quen với Nguyễn Xuân T, sinh năm 1958 ở thôn Đ, xã Đ, huyện L. Sau đó qua T, H quen với NLQ1, sinh năm 1975 ở cùng thôn với T. Trong quá trình quen biết, H đã nhiều lần vay tiền của T và N. H đã trả cho T được một phần, còn nợ lại của T là 65.000.000 đồng và N là 235.000.000 đồng.

Cuối tháng 9 năm 2018, H xin phép ông Đ cho đi vắng vài ngày, nói dối là “Đi phát quà trung thu và chữa bệnh từ thiện cùng với một số người khác”, ông Đ đồng ý. H đến thuê ở trọ tại phòng số 302 nhà nghỉ Hoa Ngọc L thuộc thôn B, xã N, huyện L rồi gặp gỡ, đi ăn với T. Qua giao tiếp, T phát hiện H có dấu hiệu bất thường nên đã nảy sinh nghi vấn. T đã nói với N về suy nghĩ của mình và bàn với N ra Công an xã Nghĩa Hưng để trình báo và đề nghị giải quyết. Ngày 29/9/2018, Công an xã Nghĩa Hưng đã mời H về trụ sở để làm việc. Sau khi xác minh sơ bộ, Công an xã Nghĩa Hưng nhận định việc T và N cho H vay tiền chỉ là giao dịch dân sự nên đã giải thích rồi khuyên mọi người tự giải quyết với nhau. Sau đó N lái xe chở T và H về nhà nghỉ

Hoa Ngọc L. H hứa với T và N là H sẽ gọi điện về cho gia đình mang tiền lên trả cho T và N nên T và N đi về. Ngay sau đó, H gọi điện thoại cho chị Lê Thị Hồng N nói dối là H đi chữa bệnh nhân đạo, không may tiêm nhầm thuốc làm chết một người ở tỉnh Bắc Giang, hiện đang bị người nhà của nạn nhân giữ lại yêu cầu bồi thường số tiền 300.000.000 đồng. H đề nghị chị N mang cho H mượn số tiền trên để bồi thường cho gia đình nạn nhân và đón H về. Sau khi nghe điện thoại của H, chị N đã nói sự việc trên với ông Đ, ông Đ tin là thật nên bảo chị N đi vay tiền, lo tiền cho H để bồi thường. Ngày hôm sau 30/9/2018, chị N cùng với bạn của mình là ông NLQ2, sinh năm 1958, ở phường Q, quận H, thành phố P mang số tiền trên đến Bắc Giang để gặp H. Sáng ngày 30/9/2018, T đến nhà nghỉ để gặp H, khi T đến, H nói với T về việc H đã nói dối chị N như trên và căn dặn T khi nào chị N mang tiền đến thì T phải đồng tình với H, nói dối là H đi chữa bệnh nhân đạo, tiêm thuốc làm chết người nên phải bồi thường 300.000.000đ để chị N giao tiền cho H trả cho T và N. Khoảng 12 giờ cùng ngày, chị N và ông NLQ2 đến nhà nghỉ Hoa Ngọc L và đưa cho T số tiền 40.000.000 đồng. T nhận số tiền trên và tự tay viết giấy biên nhận rồi đưa cho chị N. Chị N hẹn với T đến ngày hôm sau sẽ mang số tiền 260.000.000 đồng còn lại đến để bồi thường rồi đón H về Hải Phòng. Buổi tối cùng ngày, T mang số tiền vừa nhận được đến nhà N và đưa hết cho N. Buổi trưa ngày 01/10/2018, T đến nhà nghỉ để lấy số tiền còn lại. T đợi khoảng 01 giờ thì chị N, ông NLQ2 và người lái xe là NLC, sinh năm 1990, ở cùng thôn với chị N đến. Ngay sau đó thì NLQ1 cũng đến. Tất cả mọi người cùng vào phòng mà H đang ở. Tại đây, ông NLQ2 thay mặt chị N đưa cho N nhận số tiền 250.000.000 đồng. T viết giấy thỏa thuận nhận tiền với nội dung gia đình H bồi thường cho gia đình NLQ1 là người nhà nạn nhân bị H tiêm nhầm thuốc. Viết xong, T đưa cho ông NLQ2 ký với tư cách là người giao tiền, T ký với tư cách là người nhận tiền và N ký với tư cách là người làm chứng. Sau đó, T và N đi về. Số tiền trên N giữ lại 235.000.000 đồng, đưa cho T 55.000.000 đồng. H được chị N đón về gia đình chị N và ở được 08 ngày thì bỏ đi và cắt đứt liên lạc nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Ngày 27/10/2018, chị N có đơn trình báo Công an huyện Lạng Giang để giải quyết và giao nộp các giấy tờ có liên quan đến việc giao nhận tiền với H, T, N.

Quá trình điều tra, ngày 30/12/2018, Nguyễn Xuân T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 55.000.000 đồng. Ngày 24/02/2019, NLQ1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 235.000.000 đồng. Ngày 22/3/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lê Thị Hồng N số tiền 290.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 395/KL-KTHS ngày 01/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký, chữ viết trên giấy biên nhận ngày 30/9/2018 và Chữ ký, chữ viết trên mặt sau của giấy biên nhận tiền và thực hiện thỏa thuận ngày 01/10/2018 là do Nguyễn Xuân T viết ra.

Bản cáo trạng số: 48/KSĐT ngày 15/5/2019, công văn số 925/KSXXST-HS ngày 04/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 điều 174 của Bộ luật hình sự 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2020/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; điểm b, x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ những ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 18/02/2019 đến ngày 29/3/2019) vào thời gian thụ hình.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử phạt đối với bị cáo khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/02/2020, bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Nguyễn Xuân T thay đổi nội dung kháng cáo và trình bày: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai đối với bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo có phần nghiêm khắc, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo đồng phạm mang tính chất giản đơn, bị cáo H có vai trò chủ mưu, bị cáo có vai trò giúp sức không đáng kể trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo Nguyễn Xuân T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Như Quỳnh bào chữa cho bị cáo T phát biểu tranh luận: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân T thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Luật sư đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát phát biểu đối với nội dung kháng cáo của bị cáo T. Bị cáo T có

nhiều thành tích xuất sắc trong công tác đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Xuân T đồng ý với ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Đôi đáp của đại diện VKS: Cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ đó là “ Người phạm tội là người có công với cách mạng...” theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “ Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, như ý kiến đề nghị của trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo được.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Bị cáo Nguyễn Xuân T nói lời sau cùng: Không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên xác định là đơn kháng cáo hợp pháp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo bị cáo Nguyễn Xuân T thì thấy: Trong ngày 30/9 và 01/10/2018, tại nhà nghỉ Hoa Ngọc L thuộc địa phận thôn Bến Phà, xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Xuân T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1969 ở thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng số tiền 290.000.000đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T thì thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo chỉ xin giảm hình phạt và được hưởng án treo nên các vấn đề khác của án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, bị cáo H có vai trò chủ mưu đứng thứ nhất, bị cáo T có vai trò giúp sức, đứng sau H.

Về Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định bị cáo T không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 BLHS, là có căn cứ.

Về Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định bị cáo T đã bồi thường khắc phục hậu quả, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là người có công được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang, nhiều lần được nhà nước tặng giấy khen nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là có căn cứ. Mặc dù bị cáo cho rằng không phạm tội, nhưng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thành khẩn khai báo về các tình tiết cụ thể, làm rõ được hành vi khách quan của bị cáo H và của bị cáo. Án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, là phù hợp. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình, không có tình tiết tăng nặng, án sơ thẩm quyết định áp dụng mức hình phạt dưới khung cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải nghiêm trị bằng hình luật, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án 05 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân T thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xuất trình thêm tình tiết mới đó là bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Xuân Tiết được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng vào tháng 2/2008. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo T thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thừa nhận hành vi của mình và cho rằng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội không oan sai. Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Nguyễn Xuân T xuất thân từ gia đình lao động, là người cao tuổi, phạm tội lần đầu, đồng phạm với vai trò giúp sức, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối chiếu với Nghị Quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T được chấp nhận, bị cáo là người cao tuổi nên bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; điểm b, điểm s, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Xuân T.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương